

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: *M8* /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Sóc Trăng, ngày 07 tháng 12 năm 2023*

**NGHỊ QUYẾT**

**Phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2024 (vốn sự nghiệp) thực hiện  
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào  
dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 18**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ  
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của  
Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của  
Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu  
quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày  
19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện  
các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của  
Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển  
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -  
2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của  
Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân  
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện  
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân  
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến  
năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của  
Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số  
39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy  
định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ  
vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc  
gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi  
giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Theo Công văn số 1733/UBND-CTMTQG ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban Dân tộc về việc thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024, 2025;

Theo Công văn số 2145/UBND-VPCTMTQG ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban Dân tộc về việc thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024, 2025 (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Xét Tờ trình số 184/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Nghị quyết phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2024 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; báo cáo thẩm tra của Ban dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2024 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng với tổng số tiền là 173.430 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 154.053 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 19.377 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục I và phụ lục II đính kèm).

**Điều 2.**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.


2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cân đối ngân sách cấp mình đảm bảo tỷ lệ đối ứng theo quy định tại Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa X, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (Bộ phận phía Nam);
- Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh ST;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Hồ Thị Cẩm Đào**

**PHỤ LỤC I**  
**TỔNG HỢP KINH PHÍ NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 118 /NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

*Đơn vị tính: (Triệu đồng).*

Stt	TÊN ĐƠN VỊ	Tổng kinh phí (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương)	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024	
			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>173.430</b>	<b>154.053</b>	<b>19.377</b>
1	Ban Dân tộc	8.491	7.733	758
2	Sở Xây dựng	11	11	
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.017	2.017	
4	Sở Công Thương	11	11	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	8.502	8.502	
6	Sở Nội vụ	4.640	4.640	
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	6.485	6.485	
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	13.431	5.178	8.253
9	Sở Y tế	3.320	3.320	
10	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	3.474	3.474	
11	Sở Thông tin và Truyền thông	2.040	2.040	
12	Sở Tư pháp	350	350	
13	Công an tỉnh	655	0	655
14	Sở Tài chính	11	11	
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11	11	

16	Sở Tài nguyên và Môi trường	11	11	
17	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	352	338	14
18	Hội Nông dân tỉnh	11	11	
19	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh	11	11	
20	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	11	11	
21	Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	20.000	20.000	
22	Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	8.500	8.500	
23	Thị xã Vĩnh Châu	17.929	16.299	1.630
24	Thị xã Ngã Năm	1.956	1.750	206
25	Huyện Thạnh Trị	12.765	11.604	1.161
26	Huyện Mỹ Xuyên	6.674	6.067	607
27	Huyện Mỹ Tú	7.176	6.523	653
28	Huyện Châu Thành	6.303	5.730	573
29	Huyện Kế Sách	16.506	15.005	1.501
30	Huyện Long Phú	7.255	6.595	660
31	Huyện Trần Đề	12.845	10.292	2.553
32	Huyện Cù Lao Dung	1.291	1.173	118
33	Thành phố Sóc Trăng	385	350	35

**PHỤ LỤC II**  
**CHI TIẾT KINH PHÍ NĂM 2024**

*(Kèm theo Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

*Đơn vị tính: (Triệu đồng)*

Stt	CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN/TÊN ĐƠN VỊ	Tổng kinh phí (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương)	Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2024		Ghi chú
			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>173.430</b>	<b>154.053</b>	<b>19.377</b>	
<b>I</b>	<b>DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>	<b>12.031</b>	<b>12.031</b>		
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ chuyển đổi nghề</b>	<b>9.160</b>	<b>9.160</b>		Ban Dân tộc
1.1	Thị xã Vĩnh Châu	2.280	2.280		
1.2	Thị xã Ngã Năm	100	100		
1.3	Huyện Thạnh Trị	1.240	1.240		
1.4	Huyện Mỹ Xuyên	60	60		
1.5	Huyện Mỹ Tú	-	-		
1.6	Huyện Châu Thành	300	300		
1.7	Huyện Kế Sách	3.980	3.980		
1.8	Huyện Long Phú	-	-		
1.9	Huyện Trần Đề	1.190	1.190		
1.10	Huyện Cù Lao Dung	10	10		
1.11	Thành phố Sóc Trăng	-	-		
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán</b>	<b>2.871</b>	<b>2.871</b>		Ban Dân tộc
2.1	Thị xã Vĩnh Châu	282	282		
2.2	Thị xã Ngã Năm	-	-		
2.3	Huyện Thạnh Trị	330	330		
2.4	Huyện Mỹ Xuyên	39	39		
2.5	Huyện Mỹ Tú	-	-		
2.6	Huyện Châu Thành	78	78		
2.7	Huyện Kế Sách	1.899	1.899		

2.8	Huyện Long Phú	66	66		
2.9	Huyện Trần Đề	174	174		
2.10	Huyện Cù Lao Dung	3	3		
2.11	Thành phố Sóc Trăng	-	-		
<b>II</b>	<b>DỰ ÁN 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>	<b>22.473</b>	<b>21.506</b>	<b>967</b>	
<b>1</b>	<b>Tiểu dự án 1: phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</b>	<b>2.001</b>	<b>2.001</b>		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<b>2</b>	<b>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>	<b>20.472</b>	<b>19.505</b>	<b>967</b>	Ban Dân tộc
<b>2.1</b>	<b>Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng)</b>	<b>20.472</b>	<b>19.505</b>	<b>967</b>	
2.1.1	Thị xã Vĩnh Châu	3.892	3.892		
2.1.2	Thị xã Ngã Năm	329	299	30	
2.1.3	Huyện Thạnh Trị	2.254	2.254		
2.1.4	Huyện Mỹ Xuyên	449	449		
2.1.5	Huyện Mỹ Tú	2.285	2.078	207	
2.1.6	Huyện Châu Thành	1.347	1.347		
2.1.7	Huyện Kế Sách	3.630	3.630		
2.1.8	Huyện Long Phú	2.647	2.407	240	
2.1.9	Huyện Trần Đề	3.639	3.149	490	
<b>III</b>	<b>DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc</b>	<b>15.074</b>	<b>8.238</b>	<b>6.836</b>	
	<b>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>	<b>15.074</b>	<b>8.238</b>	<b>6.836</b>	Ban Dân tộc
	<b>Nội dung 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn</b>	<b>15.074</b>	<b>8.238</b>	<b>6.836</b>	

	<b>Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng</b>	<b>15.074</b>	<b>8.238</b>	<b>6.836</b>	
1	Thị xã Vĩnh Châu	3.332	1.702	1.630	
2	Thị xã Ngã Năm	181	131	50	
3	Huyện Thạnh Trị	2.094	933	1.161	
4	Huyện Mỹ Xuyên	463	197	266	
5	Huyện Mỹ Tú	949	861	88	
6	Huyện Châu Thành	1.162	589	573	
7	Huyện Kế Sách	2.899	1.398	1.501	
8	Huyện Long Phú	1.066	970	96	
9	Huyện Trần Đề	2.928	1.457	1.471	
<b>IV</b>	<b>DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>	<b>89.033</b>	<b>87.309</b>	<b>1.724</b>	
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú và xóa mù chữ cho người dân tộc vùng đồng dân tộc thiểu số	7.636	7.636		Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu năng lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	7.592	7.490	102	Ban Dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ
2.1	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	2.102	2.000	102	Ban Dân tộc
2.1.1	Ban Dân tộc	905	905		
2.1.2	Thị xã Vĩnh Châu	-	-		
2.1.3	Thị xã Ngã Năm	145	130	15	
2.1.4	Huyện Thạnh Trị	195	195		
2.1.5	Huyện Mỹ Xuyên	187	170	17	
2.1.6	Huyện Mỹ Tú	-	-		
2.1.7	Huyện Châu Thành	-	-		
2.1.8	Huyện Kế Sách	150	150		
2.1.9	Huyện Long Phú	-	-		
2.1.10	Huyện Trần Đề	370	300	70	
2.1.11	Huyện Cù Lao Dung	150	150		
2.1.12	Thành phố Sóc Trăng	-	-		
2.2	Bồi dưỡng dạy tiếng dân tộc thiểu số (theo Quyết định số 1702-QĐ/TU ngày 11/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)	-	-		



<b>2.3</b>	<b>Đào tạo đại học và sau đại học</b>	<b>5.490</b>	<b>5.490</b>		
2.3.1	Đào tạo đại học	850	850		Sở Giáo dục và Đào tạo
2.3.2	Đào tạo sau đại học	4.640	4.640		Sở Nội vụ
<b>3</b>	<b>Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số</b>	<b>71.441</b>	<b>69.819</b>	<b>1.622</b>	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
3.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	<b>6.469</b>	6.469		
3.2	Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng	<b>20.000</b>	20.000		
3.3	Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng	<b>8.500</b>	8.500		
3.4	Thị xã Vĩnh Châu	<b>7.000</b>	7.000		
3.5	Thị xã Ngã Năm	<b>1.100</b>	1.000	100	
3.6	Huyện Thạnh Trị	<b>6.000</b>	6.000		
3.7	Huyện Mỹ Xuyên	<b>5.304</b>	5.000	304	
3.8	Huyện Mỹ Tú	<b>3.300</b>	3.000	300	
3.9	Huyện Châu Thành	<b>3.000</b>	3.000		
3.10	Huyện Kế Sách	<b>3.000</b>	3.000		
3.11	Huyện Long Phú	<b>2.765</b>	2.500	265	
3.12	Huyện Trần Đề	<b>3.500</b>	3.000	500	
3.13	Huyện Cù Lao Dung	<b>1.118</b>	1.000	118	
3.14	Thành phố Sóc Trăng	<b>385</b>	350	35	
<b>4</b>	<b>Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp</b>	<b>2.364</b>	<b>2.364</b>		Ban Dân tộc
<b>V</b>	<b>DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>	<b>13.415</b>	<b>5.162</b>	<b>8.253</b>	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
<b>VI</b>	<b>DỰ ÁN 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc của người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em</b>	<b>3.304</b>	<b>3.304</b>		Sở Y tế
<b>VII</b>	<b>DỰ ÁN 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</b>	<b>8.768</b>	<b>8.645</b>	<b>123</b>	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
1	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	<b>3.458</b>	3.458		
2	Thị xã Vĩnh Châu	<b>1.096</b>	1.096		

3	Thị xã Ngã Năm	95	85	10	
4	Huyện Thạnh Trị	590	590		
5	Huyện Mỹ Xuyên	126	126		
6	Huyện Mỹ Tú	602	548	54	
7	Huyện Châu Thành	380	380		
8	Huyện Kế Sách	844	844		
9	Huyện Long Phú	649	590	59	
10	Huyện Trần Đề	928	928		
VIII	<b>DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn</b>	<b>1.997</b>	<b>1.997</b>		Ban Dân tộc
-	<b>Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>	<b>1.997</b>	<b>1.997</b>		
IX	<b>DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>	<b>7.335</b>	<b>5.861</b>	<b>1.474</b>	
1	<b>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào</b>	<b>5.186</b>	<b>3.759</b>	<b>1.427</b>	
1.1	Nội dung 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín	2.837	1.410	1.427	Ban Dân tộc, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
-	Ban Dân tộc	1.937	1.179	758	
-	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	245	231	14	
-	Công an tỉnh	655	0	655	
1.2	Nội dung 2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số	1.999	1.999		
-	Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền	999	999		Ban Dân tộc
-	Thực hiện thông tin đối ngoại vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ	1.000	1.000		Sở Thông tin và Truyền thông

1.3	Nội dung số 03: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số	350	350		Sở Tư pháp
2	<b>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>	<b>1.029</b>	<b>1.029</b>		Sở Thông tin và Truyền thông
3	<b>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình</b>	<b>1.120</b>	<b>1.073</b>	<b>47</b>	
3.1	Ban Dân tộc	289	289		
3.2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16	16		
3.3	Sở Xây dựng	11	11		
3.4	Sở Công Thương	11	11		
3.5	Sở Giáo dục và Đào tạo	16	16		
3.6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	16	16		
3.7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	16	16		
3.8	Sở Y tế	16	16		
3.9	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	16	16		
3.10	Sở Thông tin và Truyền thông	11	11		
3.11	Sở Tài chính	11	11		
3.12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11	11		
3.13	Sở Tài nguyên và Môi trường	11	11		
3.14	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	107	107		
3.15	Hội Nông dân tỉnh	11	11		
3.16	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh	11	11		
3.17	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	11	11		
3.18	Thị xã Vĩnh Châu	47	47		
3.19	Thị xã Ngã Năm	6	5	1	
3.20	Huyện Thạnh Trị	62	62		
3.21	Huyện Mỹ Xuyên	46	26	20	
3.22	Huyện Mỹ Tú	40	36	4	
3.23	Huyện Châu Thành	36	36		
3.24	Huyện Kế Sách	104	104		
3.25	Huyện Long Phú	62	62		
3.26	Huyện Trần Đề	116	94	22	

3.27	Huyện Cù Lao Dung	10	10		
3.28	Thành phố Sóc Trăng	-	-		

\* **Ghi chú:**

- Ngân sách tỉnh cân đối phân ngân sách địa phương đối ứng tại phụ lục II: phần V và mục 1, phần IX;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện cân đối phân ngân sách địa phương đối ứng tại phụ lục II: phần II, III, IV, VII và mục 3, phần IX.